

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 71/2019/HSST
Ngày: 18/12/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Sỹ Quyền
2. Ông Lê Văn Lợi

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2019/HSST ngày 04/12/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXXST-HS ngày 04/12/2019 đối với bị cáo:

Trần Thị T - SN 1982 ; Giới tính: Nữ.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Ngọc Q - SN 1956; con bà: Bùi Thị X - SN 1957; Chồng: Đỗ Ngọc N - SN 1982. Có 02 con; lớn SN 2004, nhỏ SN 2009. Hiện bị cáo đang mang thai cháu thứ 3; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị T - SN 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng:

1. Anh Bùi Ngọc C - SN 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Nguyễn Thị B - SN 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

3. Ông Đào Duy T - SN 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06h30” ngày 30/10/2019, chị Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô BKS 36B3-858.85 đi từ nhà đến công ty ALINA thuộc địa phận thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để làm việc. Khi đến công ty chị T gửi xe ở nhà giữ xe phía Tây của công ty và bỏ vé xe vào túi áo ấm. Sau đó mở cốp xe cất áo ấm vào trong rồi đi vào xưởng làm việc quên không rút chìa khóa xe đang cắm tại ổ khóa cốp ra. Đến khoảng 11h20” cùng ngày, Trần Thị T là công nhân làm cùng công ty ALINA đi xuống nhà xe thì phát hiện thấy chiếc xe mô tô BKS 36B3-858.85 đang cắm chìa khóa tại ổ khóa cốp, T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của chị T để bán lấy tiền nên T đi lại dùng chìa khóa đang cắm tại ổ khóa cốp mở cốp xe thấy có chiếc áo ấm để trong cốp, T kiểm tra thấy có vé xe ở túi áo. T lấy vé xe rồi mở ổ khóa điện nổ máy và điều khiển xe mô tô BKS 36B3-858.85 ra khỏi công ty. Để tránh sự phát hiện, T điều khiển chiếc xe trên đến bãi gửi xe của chị Nguyễn Thị B ở thôn T, xã Q, huyện Q trước cổng Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương để gửi xe vừa trộm cắp được, chờ tìm nơi tiêu thụ. Sau đó T đi bộ từ Bệnh Viện về công ty để làm ca chiều. Khi hết giờ làm ca sáng, chị T xuống lấy xe thì phát hiện chiếc xe đã bị mất nên trình báo cơ quan Công an để điều tra xử lý. Kết quả trích xuất camera an ninh của công ty và lời khai của các nhân chứng xác định Trần Thị T đã trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 36B3-858.85 của chị T.

Theo lời khai của T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã tiến hành thu giữ chiếc xe mô tô BKS 36B3-858.85 tại bãi gửi xe của chị B để phục vụ điều tra.

Ngày 31/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Quảng Xương đã định giá chiếc xe mô tô trên tại thời điểm bị mất trộm có giá trị 13.500.000đ.

Ngày 07/11/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã trả lại xe mô tô trên cho chị T chủ sở hữu hợp pháp. Chị T đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự.

Tại cơ quan điều tra, Trần Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS-QX ngày 01/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Trần Thị T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, n, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt: Trần Thị T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; về trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận: Khoảng 11h20” ngày 30/10/2019, tại nhà giữ xe của công ty ALINA thuộc địa phận thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, bị cáo Trần Thị T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Nguyễn Thị T, T đã lén lút trộm cắp xe mô tô BKS 36B3-858.85 của chị T, trị giá 13.500.000đ.

[3] Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Trần Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chị T một cách trái pháp luật, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, bị cáo trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản để bán kiếm tiền trả nợ cho cá nhân. Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội là phụ nữ có thai nên áp dụng điểm i, n, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo được cải tạo tại địa phương bằng hình thức

cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5] *Bồi thường dân sự*: Chị T đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, n, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Trần Thị T 09(chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/12/2019.

Giao bị cáo T cho UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách; người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bồi thường dân sự: Chị T đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu gì về phần dân sự nên HĐXX không xem xét.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a Khoản 1 Điều 23 NQ326/2016/UBTVQH14.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSNDH.Quảng Xương;
- Chi cục THADSH.Quảng Xương;
- CAH.Quảng Xương;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Lý

